

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

## Tài liệu Hỗ trợ Gia đình

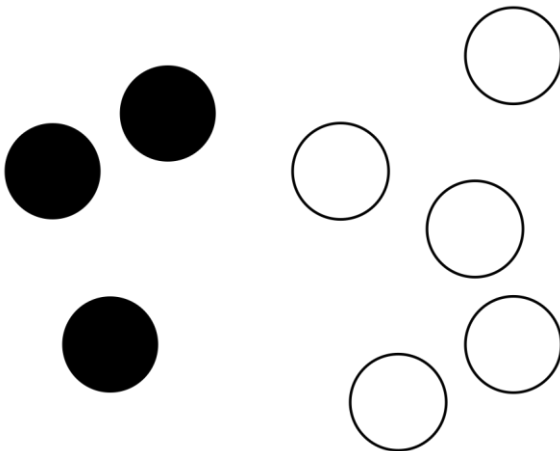
### Tìm hiểu phép cộng và phép trừ

Trong bài học này, học sinh liên hệ phép đếm với phép cộng để giải các bài toán cộng và trừ trong phạm vi 10.

#### Phần A: Đếm để cộng và trừ

Trong phần này, học sinh được làm quen với phép cộng như đếm tổng số đồ vật trong hai nhóm. Ngôn ngữ “cộng”, “tập hợp lại”, “trừ” và “lấy đi” được sử dụng xuyên suốt phần này.

Lần đầu tiên học sinh cũng đếm các hình ảnh theo các hình phân tán, nhận ra cần phải theo dõi các hình ảnh mà các em đã đếm. Ví dụ, học sinh có thể đếm tất cả các chấm đen trước rồi đến các chấm trắng hoặc các em có thể đếm các chấm đen và các chấm trắng cùng nhau.



Học sinh có thể gạch bỏ các dấu chấm khi đếm để theo dõi các dấu chấm mà mình đã đếm. Học sinh thấy rằng mặc dù các em có thể đếm các hình ảnh theo thứ tự khác nhau nhưng chúng vẫn đếm được tổng số bằng nhau.

#### Phần B: Trình bày và giải các bài toán có lời văn

Trong phần này, học sinh trình bày và giải các bài toán có lời văn. Hoạt động này bắt đầu một cách chậm rãi, học sinh diễn tả suy nghĩ và sau đó trình bày các bài toán có lời văn không có câu hỏi, chẳng hạn như:

Có 5 học sinh nhảy dây trong giờ ra chơi. Có thêm 2 học sinh nữa ra chơi cùng.

Các bài toán có lời văn không có câu hỏi khuyến khích học sinh suy nghĩ về bối cảnh và hành động trong câu chuyện mà không cảm thấy bị áp lực hay vội vàng giải bài toán.

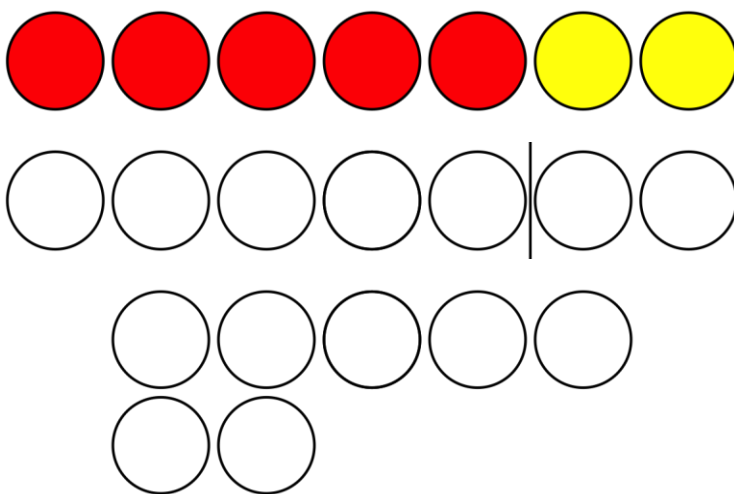
TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Cuối cùng, học sinh trả lời các câu hỏi như “Hiện tại có bao nhiêu học sinh đang nhảy dây?” theo đề bài.

Học sinh trình bày các bài toán có lời văn bằng các đồ vật, công cụ toán học, hình vẽ và con số. Các em có thể trình bày từng bài toán có lời văn theo bất kỳ cách nào mà các em thấy dễ dàng. Điều quan trọng là học sinh có thể giải thích cách trình bày của mình liên kết với dữ kiện đề bài như thế nào. Dù học sinh không bắt buộc phải vẽ sơ đồ theo một cách cụ thể, nhưng các em nhận thấy rằng vẽ sơ đồ có tổ chức giúp dễ dàng nhận ra sơ đồ phù hợp với dữ kiện đề bài như thế nào. Ví dụ: học sinh có thể sử dụng bất kỳ sơ đồ nào trong số này để trình bày dữ kiện phù hợp với biểu thức  $5 + 2$ .



### Phần C: Biểu thức cộng và trừ

Trong phần này, học sinh lần đầu tiên làm việc với các biểu thức. Các em kết hợp các biểu thức với các dữ kiện đề bài và sơ đồ. Học sinh giải thích tại sao một biểu thức lại phù hợp với một bài toán hoặc sơ đồ nhất định.

Học sinh chuyển từ làm việc với các biểu thức liên quan đến bài toán có lời văn sang tìm giá trị cho các biểu thức không có lời văn. Học sinh có thể cộng hoặc trừ theo cách mà các em thấy dễ dàng, bao gồm sử dụng ngón tay, đồ vật hoặc hình vẽ. Với kinh nghiệm lặp đi lặp lại, học sinh bắt đầu nhận thấy các quy luật khi cộng và trừ, chẳng hạn như cộng 1 sẽ có kết quả ở số đếm tiếp theo và cộng 0 sẽ có kết quả ở cùng một số.

### Thực hành tại nhà!

Gần cuối bài học, yêu cầu học sinh vẽ một bức tranh đi kèm với dữ kiện sau:

Có 4 học sinh nhảy dây trong giờ ra chơi.  
 Có thêm 2 học sinh nữa ra chơi cùng.

---

TÊN

NGÀY

TIẾT HỌC

Các câu hỏi có thể hữu ích khi học sinh học toán:

- Giải thích hình ảnh của con cho bố/mẹ.
- Cuối cùng có bao nhiêu học sinh nhảy dây?
- Dữ kiện này có khớp với cách diễn đạt  $4 + 6$ ,  $6 + 2$  hay  $4 + 2$  không? Làm sao con biết điều này?



Bản quyền © CC BY 2021 của Illustrative Mathematics®